

Số : 439 /CV-BVĐL
V/v yêu cầu báo giá thiết bị y tế

Đô Lương, ngày 13 tháng 11 năm 2024

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Đa khoa huyện Đô Lương có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu mua sắm hoá chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế năm 2024-2026 với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Đa khoa huyện Đô Lương.

Địa chỉ: xóm 3- xã Đà Sơn – huyện Đô Lương- tỉnh Nghệ An.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Phan Thị An (khoa Dược – bệnh viện Đa khoa huyện Đô Lương) SĐT: 0369594392, email: khoaduocdlna@gmail.com.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Các hãng sản xuất, nhà cung cấp có thể gửi báo giá theo một trong các cách thức sau:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Khoa Dược – bệnh viện Đa khoa huyện Đô Lương (xóm 3 – xã Đà sơn – huyện Đô Lương – tỉnh Nghệ An)

- Nhận qua gmail: khoaduocdlna@gmail.com

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày 13 tháng 11 năm 2024 đến hết ngày 25 tháng 11 năm 2024

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 25 tháng 11 năm 2024.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Danh mục, thông số kỹ thuật chi tiết theo Phụ lục 1 và 2 kèm theo;
- Địa điểm cung cấp, lắp đặt, các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt,



bảo quản thiết bị y tế: Bệnh viện đa khoa Đô Lương, địa chỉ : Xóm 3- Đà Sơn – Đô Lương – Nghệ An

Yêu cầu báo giá bao gồm chi phí vận chuyển, bảo hiểm, bảo quản, vận hành, chạy thử và toàn bộ các loại thuế, phí liên quan

3. Thời gian giao hàng dự kiến : Trong vòng 90 ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực
4. Dự kiến về các điều kiện tạm ứng, thanh toán hợp đồng : Theo hợp đồng được ký kết giữa hai bên
5. Các nhà thầu cung cấp báo giá theo mẫu số 01 kèm theo
6. Bệnh viện kính mời các đơn vị quan tâm, có năng lực cung ứng gửi báo giá và các tài liệu liên quan.

Nơi nhận :

- Như kính gửi;
- Lưu VT,KD.

GIÁM ĐỐC



BS. Lê Đức Hải





PHỤ LỤC 1
DANH MỤC THIẾT BỊ

(Kèm theo Yêu cầu báo giá số: 439 /CV-BVĐL ngày 13 tháng 11 năm 2024)

STT	DANH MỤC THIẾT BỊ	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG
1	Máy điện tim 6 kênh	Cái	03
2	Hệ thống kéo giãn cột sống lưng cổ, giường nâng hạ điện	Cái	01
3	Máy xét nghiệm nước tiểu	Cái	01
4	Dao mổ điện	Cái	01

PHỤ LỤC 2

YÊU CẦU CẤU HÌNH, TÍNH NĂNG, THÔNG SỐ KỸ THUẬT
(Kèm theo Yêu cầu báo giá số: 439 /CV-BVĐL ngày 13 tháng 11 năm 2024)

1. Máy điện tim 6 kênh

TT	Yêu cầu cấu hình, tính năng, đặc điểm và thông số kỹ thuật	Ghi chú
A	YÊU CẦU CHUNG	
	Mới chưa qua sử dụng, được sản xuất năm 2024 trở về sau	
	Nhà sản xuất phải đạt tiêu chuẩn quản lý chất lượng: ISO 13485	
	Nguồn điện : 100 đến 240V ± 10%. 50/60Hz	
	Môi trường hoạt động:	
	+ Nhiệt độ tối đa : ≥40°C	
	+ Độ ẩm tối đa : ≥95%	
	Nước sản xuất: thuộc nhóm G7	
B	CẤU HÌNH, ĐẶC ĐIỂM VÀ THÔNG SỐ KỸ THUẬT	
1	CẤU HÌNH	
	Máy chính: 01 máy	
	Cáp điện tim: 01 chiếc	
	Dây nguồn: 01 chiếc	
	Điện cực trước ngực: 06 quả	
	Điện cực chi: 04 chiếc	
	Ắc qui: 01 chiếc	
	Giấy in: 01 cuộn	
	Tài liệu hướng dẫn sử dụng Tiếng Anh + Tiếng Việt: 01 bộ	
2	TÍNH NĂNG , THÔNG SỐ KỸ THUẬT	
	Tính năng chung: <ul style="list-style-type: none">- Khả năng kết nối hệ thống mạng bệnh viện qua cổng mạng LAN- Dữ liệu bệnh nhân có thể xuất ra dạng DICOM hoặc PDF- Bộ nhớ trong lưu trữ tới 800 file ECG	
	ECG đầu vào: <ul style="list-style-type: none">- Mạch vào: được cách ly và bảo vệ để tránh sốc điện tim- Độ nhạy: 10 mm/mV ±2%- Điện trở vào: ≥ 50 MΩ ở 0.67Hz- Hệ số lọc nhiễu: > 105 dB- Điện áp bù: ±550 mV- Tần số đáp ứng: 0.05 Hz đến 150 Hz (+0.4/-3 dB)- Nhiễu trong: ≤ 20 μVp-v- Tỷ lệ thu thập mẫu: 16.000 mẫu/giây/ kênh- Nhiễu giữa các kênh: ≤ -40dB- Dải đo và hiển thị nhịp tim: 30 – 300 nhịp/ phút- Độ chính xác: ± 10% (30-240 nhịp/ phút)	
	Xử lý tín hiệu: <ul style="list-style-type: none">- Đạo trình: 12 đạo trình- Tỷ lệ lấy mẫu: 500 mẫu/giây- Bộ lọc nhiễu xoay chiều: 50/60 Hz	

	<ul style="list-style-type: none"> - Hằng số thời gian: $\geq 3.2s$ - Bộ lọc cao tần: 75, 100, 150 Hz - Bộ lọc nhiễu điện cơ: 25, 35 Hz - Đáp ứng tín hiệu tối thiểu: $\leq 20 \mu Vp-v$ - Bộ lọc chống trôi: yếu 0.1 Hz (-20dB) mạnh 0.1 Hz (-34dB) - Độ nhạy: 5, 10, 20mm/mV - Phát hiện tạo nhịp :có - Bộ chuyển đổi A/D: 24 bit 	
	<p>Hiển thị:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Màn hình màu LCD TFT - Kích thước: ≥ 8 inch - Độ phân giải: 800 x 480 điểm - Hiển thị dữ liệu: dạng sóng 12 đạo trình, thông tin bệnh nhân, cài đặt độ ghi, chế độ hoạt động, nhịp tim, phức hợp QRS, thông báo lỗi, tiếp xúc điện cực và độ nhiễu. 	
	<p>Ghi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chế độ in: in nhiệt - Mật độ in: 200 dpi - Số kênh: 6 - Tốc độ giấy: 5, 10, 12.5, 25, 50 mm/giây - Dữ liệu ghi: Dạng sóng ECG, nhịp tim, tên đạo trình, phiên bản, ngày và giờ, tốc độ giấy, độ nhạy, bộ lọc, tên bệnh viện, thông tin bệnh nhân, thông tin phép đo và đánh dấu. 	
	<p>Phân tích điện tim:</p> <ul style="list-style-type: none"> - áp dụng cho bệnh nhân: trẻ sơ sinh, trẻ em, người lớn - Mục phân tích kết quả: 5 - Mục tìm ra kết quả điện tim: 200. 	
	<p>Nguồn điện, AC và DC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - AC: 220 V 50 Hz <p>DC: ắc quy trong có thời gian hoạt động ≥ 150 phút</p>	
	<p>An toàn: Phù hợp với tiêu chuẩn IEC</p>	
	<p>Quản lý dữ liệu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - File đầu ra: PDF, DICOM - Kết nối với máy in ngoài 	
C	YÊU CẦU KHÁC	
	- Bảo hành tối thiểu 12 tháng kể từ ngày ký biên bản bàn giao đưa vào sử dụng	
	- Thời gian giao hàng: Trong vòng 90 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.	
	- Đào tạo, hướng dẫn sử dụng thành thạo cho người sử dụng; đào tạo về bảo dưỡng, sửa chữa cho nhân viên kỹ thuật.	
	- Đơn vị cung cấp phải có mặt khắc phục sự cố trong vòng 3 ngày kể từ khi nhận được báo cáo sự cố từ đơn vị sử dụng.	
	- Cam kết cung cấp phụ tùng, vật tư tiêu hao tối thiểu 5 năm sau bảo hành	
	- Cam kết đảm bảo dịch vụ và có chào giá các phụ kiện thay thế, vật tư tiêu hao và bảo trì sau bảo hành.	

- Cam kết Có Giấy phép hoặc Giấy ủy quyền bán hàng của nhà sản xuất, đại lý phân phối hoặc Giấy chứng nhận quan hệ đối tác hoặc tài liệu khác có giá trị tương đương.	
Cam kết cung cấp giấy chứng nhận xuất xứ (CO), Giấy chứng nhận chất lượng (CQ) khi giao hàng.	
Cam kết cung cấp giấy phép nhập khẩu của Bộ Y tế (bản gốc hoặc bản chụp chứng thực).	

2. Hệ thống kéo giãn cột sống lưng cổ, giường nâng hạ điện

TT	Yêu cầu cấu hình, tính năng, đặc điểm và thông số kỹ thuật	Ghi chú
A	YÊU CẦU CHUNG	
	- Mới chưa qua sử dụng, được sản xuất năm 2024 trở về sau	
	- Nhà sản xuất phải đạt tiêu chuẩn quản lý chất lượng: ISO 13485	
	- Điện nguồn: 100 - 120V AC/ 220-240V AC	
	- Điều kiện hoạt động + Nhiệt độ môi trường tối đa: $\geq 30^{\circ}\text{C}$ + Độ ẩm môi trường tối đa: $\geq 70\%$	
B	CẤU HÌNH, ĐẶC ĐIỂM VÀ THÔNG SỐ KỸ THUẬT	
1	CẤU HÌNH	
	- Máy chính : 01 cái	
	- Dây nguồn: 01 cái	
	- Thiết bị dừng khẩn cấp: 01 Cái	
	- Thanh đỡ điều chỉnh góc kéo: 01 Cái	
	- Dây đai vùng ngực: 01 Cái	
	- Dây đai vùng lưng: 01 Cái	
	- Dây đai kéo cổ: 01 Cái	
	- Thanh gá lắp dùng trong kéo cổ: 01 cái	
	- Bàn kéo nâng hạ bằng điện đồng bộ chính hãng: 01 Cái	
	- Hướng dẫn sử dụng tiếng Anh/Việt: 01 Bộ	
2	TÍNH NĂNG , THÔNG SỐ KỸ THUẬT	
	Thông số kỹ thuật đầu kéo:	
	Công suất tiêu thụ: $\leq 150 \text{ VA}$	
	Lực kéo: $\geq 91 \text{ Kg}$	
	Màn hình hiển thị: Lực kéo thực tế/ lực kéo cài đặt sẵn - hiển thị quá trình thay đổi lực kéo	
	Tốc độ kéo: Có thể điều chỉnh	
	Chương trình kéo: Liên tục, ngắt quãng và hỗn hợp	
	Thời gian kéo: 1 - 99 phút ($\pm 2\%$)	
	Thông số giường kéo:	
	Chiều dài phần chân: $\geq 740\text{mm}$	
	Chiều dài phần đỡ lưng, hông: $\geq 310\text{mm} \times 2$	
	Chiều dài phần đầu: $\geq 410\text{mm}$	
	Chiều dài giường tổng thể: $\geq 2390\text{mm}$	

	Chiều rộng giường: $\geq 700\text{mm}$	
	Hạ tối thiểu: $\leq 470\text{mm}$	
	Nâng cao tối đa: $\geq 910\text{mm}$	
	Nâng hạ đầu: - 20 độ đến 80 độ	
	Điều chỉnh điện nâng phần giữa giường: 0 độ đến 26 độ	
	Nâng chân: ≥ 87 độ	
	Góc xoay ngang: 60 -0 -60 độ	
	Tải trọng tối đa: $\geq 225\text{Kg}$	
C	YÊU CẦU KHÁC	
	- Bảo hành tối thiểu 12 tháng kể từ ngày ký biên bản bàn giao đưa vào sử dụng	
	- Thời gian giao hàng: Trong vòng 90 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.	
	- Đào tạo, hướng dẫn sử dụng thành thạo cho người sử dụng; đào tạo về bảo dưỡng, sửa chữa cho nhân viên kỹ thuật.	
	- Đơn vị cung cấp phải có mặt khắc phục sự cố trong vòng 3 ngày kể từ khi nhận được báo cáo sự cố từ đơn vị sử dụng.	
	- Cam kết cung cấp phụ tùng, vật tư tiêu hao tối thiểu 5 năm sau bảo hành	
	- Cam kết đảm bảo dịch vụ và có chào giá các phụ kiện thay thế, vật tư tiêu hao và bảo trì sau bảo hành.	
	- Cam kết Có Giấy phép hoặc Giấy ủy quyền bán hàng của nhà sản xuất, đại lý phân phối hoặc Giấy chứng nhận quan hệ đối tác hoặc tài liệu khác có giá trị tương đương.	
	Cam kết cung cấp giấy chứng nhận xuất xứ (CO), Giấy chứng nhận chất lượng (CQ) khi giao hàng.	
	Cam kết cung cấp giấy phép nhập khẩu của Bộ Y tế (bản gốc hoặc bản chụp chứng thực).	

3. Máy xét nghiệm nước tiểu

TT	Yêu cầu cấu hình, tính năng, đặc điểm và thông số kỹ thuật	Ghi chú
A	YÊU CẦU CHUNG	
	- Mới chưa qua sử dụng, được sản xuất năm 2024 trở về sau	
	- Nhà sản xuất phải đạt tiêu chuẩn quản lý chất lượng: ISO 13485	
	- Điện nguồn: 220VAC/50Hz.	
	- Điều kiện hoạt động + Nhiệt độ môi trường tối đa: $\geq 30^{\circ}\text{C}$ + Độ ẩm môi trường tối đa: $\geq 80\%$.	
	- Nước sản xuất: thuộc nhóm G7	
B	CẤU HÌNH, ĐẶC ĐIỂM VÀ THÔNG SỐ KỸ THUẬT	
1	CẤU HÌNH	
	- Máy chính	
	- Khay đựng mẫu: 01 chiếc	
	- Bộ nguồn: 01 bộ	

	- Que thử : 01 hộp (100 test)	
	- Giấy in nhiệt: 01 cuộn	
	- Sách hướng dẫn sử dụng Anh+ Việt: 01 bộ	
2	TÍNH NĂNG , THÔNG SỐ KỸ THUẬT	
	Khả năng thực hiện tối thiểu các xét nghiệm: Glucose; pH; Protein; Máu (hồng cầu); Ketones; Nitrite; Bilirubin; Urobilinogen; Specific gravity; Bạch cầu; tỷ lệ Albumin/Creatinine, HCG	
	Tốc độ xét nghiệm : kết quả sau 1 phút	
	Màn hình cảm ứng	
	Nhập dữ liệu trực tiếp từ màn hình	
	Kiểm tra tự động: nhận diện que thử và kiểm tra độ ẩm với chỉ số Leukocyte	
	Hiển thị đồng hồ đếm ngược trên màn hình thời gian phân tích mẫu	
	Kết quả tự động in và hiển thị trên màn hình sau khi phân tích xong với đầy đủ thông tin: Tên bệnh nhân, ID hoặc cả hai Ngày kiểm tra Thời gian Người thực hiện Màu sắc Độ trong Kết quả	
	Hiển thị lỗi trên màn hình	
	Phương pháp đo quang, với các bước sóng 470 nm, 525 nm, 565 nm, 625 nm, 660 nm và 845 nm	
	Bộ nhớ trong: Cho phép lưu giữ ≥ 950 kết quả.	
	Hoá chất: Có các thanh thử với các thông số khác nhau phù hợp với yêu cầu chuyên môn	
	Khả năng kết nối: Có cổng kết nối với máy tính ngoại vi khi cần.	
	Có thể dùng pin	
C	YÊU CẦU KHÁC	
	- Bảo hành tối thiểu 12 tháng kể từ ngày ký biên bản bàn giao đưa vào sử dụng	
	- Thời gian giao hàng: Trong vòng 90 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.	
	- Đào tạo, hướng dẫn sử dụng thành thạo cho người sử dụng; đào tạo về bảo dưỡng, sửa chữa cho nhân viên kỹ thuật.	
	- Đơn vị cung cấp phải có mặt khắc phục sự cố trong vòng 3 ngày kể từ khi nhận được báo cáo sự cố từ đơn vị sử dụng.	
	- Cam kết cung cấp phụ tùng, vật tư tiêu hao tối thiểu 5 năm sau bảo hành	
	- Cam kết đảm bảo dịch vụ và có chào giá các phụ kiện thay thế, vật tư tiêu hao và bảo trì sau bảo hành.	
	- Cam kết Có Giấy phép hoặc Giấy ủy quyền bán hàng của nhà sản xuất, đại lý phân phối hoặc Giấy chứng nhận quan hệ đối tác hoặc tài liệu khác có giá trị tương đương.	
	Cam kết cung cấp giấy chứng nhận xuất xứ (CO), Giấy chứng nhận chất	

	lượng (CQ) khi giao hàng.	
	Cam kết cung cấp giấy phép nhập khẩu của Bộ Y tế (bản gốc hoặc bản chụp chứng thực).	

4. Dao mổ điện

TT	Yêu cầu cấu hình, tính năng, đặc điểm và thông số kỹ thuật	Ghi chú
A	YÊU CẦU CHUNG	
	- Mới chưa qua sử dụng, được sản xuất năm 2024 trở về sau	
	- Nhà sản xuất phải đạt tiêu chuẩn quản lý chất lượng: ISO 13485	
	- Điện nguồn: AC120V or AC230V, 50Hz	
	- Điều kiện hoạt động + Nhiệt độ môi trường tối đa: $\geq 40^{\circ}\text{C}$ + Độ ẩm môi trường tối đa: $\geq 95\%$	
B	CẤU HÌNH, ĐẶC ĐIỂM VÀ THÔNG SỐ KỸ THUẬT	
1	CẤU HÌNH	
	Máy chính: 01 Chiếc	
	Phụ kiện kèm theo bao gồm:	
	Công tắc chân đôi: 01 Chiếc	
	Tay dao dùng 1 lần: 01 Chiếc	
	Tâm tiếp mát dùng nhiều lần: 01 Chiếc	
	Lưỡi dao (Đầu dẹt): 01 Chiếc	
	Lưỡi dao (Đầu trùy): 01 Chiếc	
	Lưỡi dao (Đầu kim thẳng): 01 Chiếc	
	Lưỡi dao (Đầu kim cong): 01 Chiếc	
	Tài liệu hướng dẫn sử dụng: 01 Bộ	
2	TÍNH NĂNG, THÔNG SỐ KỸ THUẬT	
	Cắt thông thường (Pure): 300W/ 300 Ω	
	- Cắt cầm máu (Blend): + Blend 1: 230W/ 300 Ω + Blend 2: 180W/ 300 Ω + Blend 3: 120W/ 300 Ω	
	Cầm máu lưỡng cực (Bipolar): 80W/ 100 Ω	
	Tần số làm việc: 400, 500KHz	
C	YÊU CẦU KHÁC	
	- Bảo hành tối thiểu 12 tháng kể từ ngày ký biên bản bàn giao đưa vào sử dụng	
	- Thời gian giao hàng: Trong vòng 90 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.	
	- Đào tạo, hướng dẫn sử dụng thành thạo cho người sử dụng; đào tạo về bảo dưỡng, sửa chữa cho nhân viên kỹ thuật.	
	- Đơn vị cung cấp phải có mặt khắc phục sự cố trong vòng 3 ngày kể từ khi nhận được báo cáo sự cố từ đơn vị sử dụng.	

	- Cam kết cung cấp phụ tùng, vật tư tiêu hao tối thiểu 5 năm sau bảo hành	
	- Cam kết đảm bảo dịch vụ và có chào giá các phụ kiện thay thế, vật tư tiêu hao và bảo trì sau bảo hành.	
	- Cam kết Có Giấy phép hoặc Giấy ủy quyền bán hàng của nhà sản xuất, đại lý phân phối hoặc Giấy chứng nhận quan hệ đối tác hoặc tài liệu khác có giá trị tương đương.	
	Cam kết cung cấp giấy chứng nhận xuất xứ (CO), Giấy chứng nhận chất lượng (CQ) khi giao hàng.	
	Cam kết cung cấp giấy phép nhập khẩu của Bộ Y tế (bản gốc hoặc bản chụp chứng thực).	

PHỤ LỤC 3 . MẪU BÁO GIÁ

(Ban hành kèm theo công văn số 439/CV-BVĐL ngày 13/11/2024 về việc yêu cầu báo giá của Bệnh viện đa khoa huyện Đô Lương)

BẢNG BÁO GIÁ⁽¹⁾

Kính gửi: Bệnh viện đa khoa huyện Đô Lương

Trên cơ sở công văn yêu cầu báo giá số 439/CV-BVĐL ngày 13 tháng 11 năm 2024 của Bệnh viện đa khoa huyện Đô Lương, chúng tôi :

- Công ty :
 - Địa chỉ :
 - Số điện thoại liên hệ :
 - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số:
 - Mã số thuế:
- Email:

Xin được báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan:

STT	Mã HH (1)	Danh mục thiết bị y tế ⁽²⁾	Mã hiệu, model, Tên thương mại, hãng sản xuất (3)	Thông số kỹ thuật của hàng hoá (4)	Đơn vị tính (5)	Quy cách (6)	Mã HS ⁽⁷⁾	Năm sản xuất ⁽⁸⁾	Xuất xứ ⁽⁹⁾	Số lượng/ khối lượng ⁽¹⁰⁾	Đơn giá ⁽¹¹⁾	Chi phí cho các dịch vụ liên quan ⁽¹²⁾	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) ⁽¹³⁾	Thành tiền ⁽¹⁴⁾
											(VND)	(VND)	(VND)	(VND)
1														
2														
n														

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày tháng năm 2024.

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày..... tháng.....năm.....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp⁽¹²⁾
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

- (1) Mã HH ghi theo mã hàng hoá mời chào giá
- (2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chung loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế” trong Yêu cầu báo giá.
- (3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã hiệu, model, tên thương mại, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế”.
- (4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi các thông số kỹ thuật của thiết bị y tế phù hợp với thông số kỹ thuật mời chào giá
- (5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể đơn vị tính, quy cách của thiết bị y tế.
- (7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.
- (8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất của thiết bị y tế.
- (9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể xuất xứ của thiết bị y tế.
- (10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.
- (11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế.
- (12) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chi tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.
- (13) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế. Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị y tế.
- (14) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.
- Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND).
- (15) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào bản gốc

